

Số: /QĐ-ĐHHL

Ninh Bình, ngày tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên**  
**khóa D15, D16, D17, D18 học kỳ I năm học 2025 - 2026**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

*Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02/3/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 12/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hoa Lư;*

*Căn cứ Quyết định số 141/QĐ-ĐHHL ngày 05/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư về việc ban hành Quy định về học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên hệ chính quy trường Đại học Hoa Lư;*

*Căn cứ Quyết định số 285/QĐ-ĐHHL ngày 29/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư về việc quy định mức học bổng khuyến khích học tập năm học 2025 – 2026 đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy;*

*Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-ĐHHL ngày 06/3/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Lư về việc thành lập Hội đồng xét cấp học bổng, khen thưởng và kỷ luật sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Hoa Lư;*

*Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét học bổng, khen thưởng cho sinh viên D15- D16- D17- D18 học kỳ I năm học 2025-2026 họp ngày 06/04/2026;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp học bổng khuyến khích học tập, học kỳ I năm học 2025 - 2026 cho 127 sinh viên khóa D15, D16, D17, D18 trình độ đại học hệ chính quy.

*(Có danh sách kèm theo).*

**Điều 2.** Mức học bổng:

- Các ngành đào tạo giáo viên, ngành Kế toán, ngành Quản trị kinh doanh:
- + Đối với Sinh viên đạt loại Khá: 930.000đ/sinh viên/tháng/.
- + Đối với Sinh viên đạt loại Giỏi: 1.030.000đ/sinh viên/tháng/.
- + Đối với Sinh viên đạt loại Xuất sắc: 1.130.000đ/sinh viên/tháng/.

- Ngành Du lịch, ngành Công nghệ thông tin:

+ Đối với Sinh viên đạt loại Khá: 1.100.000đ/sinh viên/tháng/.

+ Đối với Sinh viên đạt loại Giỏi: 1.200.000đ/sinh viên/tháng/.

+ Đối với Sinh viên đạt loại Xuất sắc: 1.300.000đ/sinh viên/tháng/.

Tổng số tiền là: **728.000.000đ**

*(Bảy trăm hai mươi tám triệu đồng chẵn)*

Kinh phí được trích từ Quỹ học bổng khuyến khích học tập của Nhà trường

**Điều 3.** Trưởng phòng Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên; Trưởng phòng Tài chính; Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, CT&CTHSSV.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Vũ Văn Trường**

**DANH SÁCH SINH VIÊN CÁC KHOÁ D15, D16, D17, D18 ĐƯỢC CẤP  
HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHHL, ngày tháng 4 năm 2026  
của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Lư)

**I. CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN, NGÀNH KẾ TOÁN, NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

STT	Họ và tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Mức HB
1	Nguyễn Ngọc Hà	D15KT2	3.89	92	Xuất sắc
2	Phạm Lê Khánh Huyền	D15KT1	3.89	90	Xuất sắc
3	Phạm Thị Thúy Hằng	D15KT2	3.72	92	Xuất sắc
4	Bùi Thị Hồng Diệp	D15GDTH2	4.00	100	Xuất sắc
5	Hoàng Yến Vy	D15GDTH2	4.00	99	Xuất sắc
6	Vũ Thị Thanh Xuân	D15GDTH1	4.00	99	Xuất sắc
7	Đặng Thị Thanh Hường	D15GDTH2	4.00	96	Xuất sắc
8	Đặng Thị Ngà	D15GDTH2	4.00	96	Xuất sắc
9	Điền Minh Trang	D15GDTH3	4.00	93	Xuất sắc
10	Trần Thị Hải Yên	D15GDTH3	4.00	92	Xuất sắc
11	Lã Thị Phương Lâm	D15GDMN2	4.00	98	Xuất sắc
12	Phạm Thị Ngân	D15GDMN2	4.00	92	Xuất sắc
13	Nguyễn Thị Thanh Trúc	D15GDMN2	4.00	92	Xuất sắc
14	Nguyễn Thị Lệ Thanh	D15GDMN2	4.00	90	Xuất sắc
15	Nguyễn Ngọc Diệp	D15GDMN2	3.88	98	Xuất sắc
16	Mai Trung Hiếu	D15LSĐL	3.85	93	Xuất sắc
17	Vũ Hồng Ngọc	D15KHTN	3.83	97	Xuất sắc
18	Nguyễn Khánh Ly	D16KTTH	3.82	97	Xuất sắc
19	Vũ Ngọc Mai	D16KTDN	3.82	94	Xuất sắc
20	Trương Thị Kiều Diễm	D16KTTH	3.82	98	Xuất sắc
21	Nguyễn Thùy Dương	D16KTTH	3.82	90	Xuất sắc
22	Phạm Thị Lan Hương	D16QTKD	3.75	91	Xuất sắc
23	Lê Thị Hồng Nhung	D16QTKD	3.67	93	Xuất sắc
24	Trần Thị Thanh Thảo	D16GDTH5	4.00	97	Xuất sắc
25	Đinh Thị Thu Phượng	D16GDTH5	4.00	97	Xuất sắc
26	Đỗ Thị Thảo	D16GDTH1	4.00	90	Xuất sắc
27	Cao Thị Hường	D16GDTH4	3.88	97	Xuất sắc
28	Phạm Thị Thảo Nguyên	D16GDTH3	3.88	95	Xuất sắc
29	Đoàn Yến Nhi	D16GDTH5	3.88	97	Xuất sắc
30	Trần Thị Minh Huyền	D16GDTH1	3.88	90	Xuất sắc
31	Vũ Phương Anh	D16GDTH3	3.81	95	Xuất sắc
32	Nguyễn Thị Thục Chi	D16GDTH3	3.81	95	Xuất sắc
33	Bùi Thu Hương	D16GDTH3	3.81	91	Xuất sắc
34	Đỗ Thị Mỹ Duyên	D16GDTH3	3.81	91	Xuất sắc
35	Phạm Thị Mai Linh	D16GDTH1	3,81	90	Xuất sắc
36	Nguyễn Thị Thu Thủy	D16GDTH2	3.75	99	Xuất sắc
37	Trần Thị Hoài Anh	D16GDMN1	3.89	90	Xuất sắc
38	Phạm Thùy Linh	D16GDMN2	3.83	92	Xuất sắc
39	Nguyễn Thị Hòa	D16GDMN1	3.78	90	Xuất sắc

40	Nguyễn Thị Thanh Bình	D16GDMN1	3.72	90	Xuất sắc
41	Trần Thị Thu Anh	D16GDMN2	3.61	92	Xuất sắc
42	Vũ Thị Huệ Lan	D16KHTN	4.00	93	Xuất sắc
43	Nguyễn Thị Hạnh	D16 SP Toán	3.65	92	Xuất sắc
44	Phạm Thị Thúy	D17KTDN	4.00	90	Xuất sắc
45	Phạm Thị Thùy Dương	D17KTDN	4.00	90	Xuất sắc
46	Nguyễn Trang Nhung	D17KTDN	3.81	92	Xuất sắc
47	Phạm Thị Thu Hằng	D17KTDN	3.81	90	Xuất sắc
48	Ngô Thị Hồng Thắm	D17QTKD	3.65	93	Xuất sắc
49	Giang Chi Linh	D17QTKD	3.65	93	Xuất sắc
50	Phạm Lê Phương Thảo	D17GDTH4	3.89	95	Xuất sắc
51	Phạm Thị Thanh Trúc	D17GDTH3	3.89	93	Xuất sắc
52	Lương Bảo Yến	D17GDTH4	3.89	90	Xuất sắc
53	Vũ Thị Út Nhi	D17GDTH2	3.83	93	Xuất sắc
54	Lê Thị Mai	D17GDTH4	3.83	92	Xuất sắc
55	Vũ Thanh Nga	D17GDTH2	3.83	91	Xuất sắc
56	Nghiêm Thùy Linh	D17GDTH4	3.83	90	Xuất sắc
57	Hoàng Thị Minh Hiền	D17GDTH3	3.78	94	Xuất sắc
58	Giang Thùy Linh	D17GDTH1	3.78	93	Xuất sắc
59	Nguyễn Thị Bích Hồng	D17GDTH3	3.78	93	Xuất sắc
60	Trịnh Thị Lan	D17GDMN1	3.88	95	Xuất sắc
61	Nguyễn Thúy Giang	D17GDMN2	3.81	96	Xuất sắc
62	Nguyễn Thị Thu Hiền	D17GDMN2	3.69	95	Xuất sắc
63	Hoàng Ngọc Hoa	D17GDMN2	3.69	94	Xuất sắc
64	Lê Thị Huyền Trang	D17 SP Toán	3.63	90	Xuất sắc
65	Phạm Thị Phương Mai	D18KT2	3.81	92	Xuất sắc
66	Đàm Thị Thu Liễu	D18KT2	3.88	90	Xuất sắc
67	Nguyễn Thị Phương Nhi	D18KT2	3.88	91	Xuất sắc
68	Dương Khánh Linh	D18KT1	3.81	90	Xuất sắc
69	Lê Thị Hà	D18KT1	3.69	94	Xuất sắc
70	Vũ Thị Trang	D18KT2	3.69	90	Xuất sắc
71	Nguyễn Thị Phương	D18QTKD1	3.67	92	Xuất sắc
72	Hoàng Thị Lâm Oanh	D18QTKD2	3.60	91	Xuất sắc
73	Nguyễn Thị Phương Loan	D18GDMN2	3.88	90	Xuất sắc
74	Phạm Thị Thùy Linh	D18GDMN3	3.81	92	Xuất sắc
75	Dương Bảo Như Ngọc	D18GDMN3	3.81	91	Xuất sắc
76	Phạm Thị Thu Phương	D18GDMN3	3.75	90	Xuất sắc
77	Trần Đặng Phương Anh	D18GDMN2	3.63	92	Xuất sắc
78	Nguyễn Phương Hà Anh	D18GDTH3	4.00	98	Xuất sắc
79	Trần Thị Quỳnh Trang	D18GDTH3	4.00	98	Xuất sắc
80	Phạm Thị Minh Trang	D18GDTH1	4,00	96	Xuất sắc
81	Lê Khánh Ngọc	D18GDTH1	4,00	96	Xuất sắc
82	Trương Bảo Trâm	D18GDTH3	4.00	96	Xuất sắc
83	Lê Hằng Nga	D18GDTH3	4.00	96	Xuất sắc
84	Mai Thu Huyền	D18GDTH3	4.00	95	Xuất sắc
85	Phạm Thị Mai Anh	D18GDTH3	4.00	95	Xuất sắc

86	Nguyễn Thị Phương Mai	D18GDTH2	4.00	94	Xuất sắc
87	Phạm Thị Thu Hiền	D18GDTH3	4.00	94	Xuất sắc
88	Trần Phương Diệu	D18GDTH1	4,00	93	Xuất sắc
89	Nguyễn Khánh Linh	D18GDTH1	4,00	93	Xuất sắc
90	Nguyễn Trà My	D18GDTH2	4.00	91	Xuất sắc
91	Trương Thị Thanh Thảo	D18KHTN	4.00	91	Xuất sắc
92	Đoàn Ngọc Ánh	D18SP Toán	3.83	91	Xuất sắc
93	Phạm Thiên Ngọc Huyền	D16LSĐL	3.53	90	Giỏi
94	Lã Thị Thanh Thảo	D17GDMN2	3.56	96	Giỏi
95	Trần Thị Kim Thúy	D18QTKD2	3.53	88	Giỏi
96	Nguyễn Thu Uyên	D18QTKD1	3.33	85	Giỏi
97	Lưu Hương Giang	D18GDMN2	3.56	87	Giỏi
98	Nguyễn Quỳnh Dung	D18GDMN3	3.56	82	Giỏi
99	Lù Minh Tuấn	D18LSĐL	3.28	91	Giỏi
100	Hoàng Khánh Linh	D15QTKD	3.12	81	Khá

(*Ấn định danh sách gồm 92 xuất HB Xuất sắc, 07 xuất HB Giỏi, 01 xuất HB Khá*)

## II. NGÀNH DU LỊCH, NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TT	Họ và tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Mức HB
1	Nguyễn Xuân Đức	D16DL	3.63	97	Xuất sắc
2	Phạm Trà My	D17DL1	3.82	96	Xuất sắc
3	Yên Thị Vân	D17DL2	3.82	95	Xuất sắc
4	Nguyễn Thị Phương Thảo	D17DL2	3.82	95	Xuất sắc
5	Nguyễn Thị Phương Nguyên	D17DL2	3.82	95	Xuất sắc
6	Nguyễn Nhật Long	D17DL2	3.71	94	Xuất sắc
7	Vũ Khánh Cư	D18DL5	3.81	90	Xuất sắc
8	Nguyễn Hoàng Hiệp	D18DL1	3.69	97	Xuất sắc
9	Nguyễn Thị Phương Anh	D18DL2	3.69	97	Xuất sắc
10	Vũ Mai Hiền Anh	D18DL1	3.69	95	Xuất sắc
11	Bùi Xuân Huy	D18DL4	3.69	94	Xuất sắc
12	Nguyễn Thị Mỹ Thuận	D18DL4	3.69	90	Xuất sắc
13	Phạm Thị Ngọc Ánh	D17DL2	3.53	95	Giỏi
14	Nguyễn Thị Lan Anh	D18DL3	3.56	92	Giỏi
15	Nguyễn Xuân Mai	D18DL5	3.56	85	Giỏi
16	Bùi Thị Thẩm	D18DL2	3.56	82	Giỏi
17	Phan Anh Vũ	D18DL1	3.50	96	Giỏi
18	Nguyễn Hồng Ánh	D18DL5	3.50	89	Giỏi
19	Đỗ Thị Ngọc Lan	D18DL4	3.44	95	Giỏi
20	Bùi Khánh Huyền	D18DL1	3.44	94	Giỏi
21	Đỗ Thị Huế	D18DL3	3.44	88	Giỏi
22	Nguyễn Thanh Tâm	D18DL4	3.44	85	Giỏi
23	Đinh Phương Thúy	D18DL2	3.38	95	Giỏi
24	Đinh Thị Thùy Trang	D16CNTT	3.27	87	Giỏi
25	Phạm Bảo Khoa	D16CNTT	3.20	80	Giỏi
26	Nguyễn Nhật Linh	D18CNTT	3.33	91	Giỏi
27	Đoàn Kim Ngân	D17CNTT	3.12	90	Khá

(*Ấn định danh sách gồm 12 xuất HB Xuất sắc, 14 xuất HB Giỏi, 01 xuất HB Khá*)

**DANH SÁCH SINH VIÊN CÁC KHOÁ D15, D16, D17, D18 ĐƯỢC CẤP  
HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHHL, ngày tháng năm 2026  
của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Lư)

**I. CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN, NGÀNH KẾ TOÁN, NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

TT	Họ và tên	Lớp	Số tiền/tháng	Số tháng	Tổng tiền	Ghi chú
<b>I.1</b>	<b>SINH VIÊN XUẤT SẮC</b>					
1	Nguyễn Ngọc Hà	D15KT2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
2	Phạm Lê Khánh Huyền	D15KT1	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
3	Phạm Thị Thúy Hằng	D15KT2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
4	Bùi Thị Hồng Điệp	D15GDTH2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
5	Hoàng Yến Vy	D15GDTH2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
6	Vũ Thị Thanh Xuân	D15GDTH1	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
7	Đặng Thị Thanh Hường	D15GDTH2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
8	Đặng Thị Nga	D15GDTH2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
9	Điền Minh Trang	D15GDTH3	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
10	Trần Thị Hải Yến	D15GDTH3	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
11	Lã Thị Phương Lâm	D15GDMN2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
12	Phạm Thị Ngân	D15GDMN2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
13	Nguyễn Thị Thanh Trúc	D15GDMN2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
14	Nguyễn Thị Lệ Thanh	D15GDMN2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
15	Nguyễn Ngọc Điệp	D15GDMN2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
16	Mai Trung Hiếu	D15LSĐL	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
17	Vũ Hồng Ngọc	D15KHTN	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
18	Nguyễn Khánh Ly	D16KTTH	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
19	Vũ Ngọc Mai	D16KTDN	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
20	Trương Thị Kiều Diễm	D16KTTH	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
21	Nguyễn Thùy Dương	D16KTTH	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
22	Phạm Thị Lan Hương	D16QTKD	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
23	Lê Thị Hồng Nhung	D16QTKD	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
24	Trần Thị Thanh Thảo	D16GDTH5	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
25	Đinh Thị Thu Phượng	D16GDTH5	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
26	Đỗ Thị Thảo	D16GDTH1	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
27	Cao Thị Hường	D16GDTH4	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
28	Phạm Thị Thảo Nguyên	D16GDTH3	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
29	Đoàn Yến Nhi	D16GDTH5	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
30	Trần Thị Minh Huyền	D16GDTH1	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
31	Vũ Phương Anh	D16GDTH3	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
32	Nguyễn Thị Thục Chi	D16GDTH3	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
33	Bùi Thu Hương	D16GDTH3	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
34	Đỗ Thị Mỹ Duyên	D16GDTH3	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
35	Phạm Thị Mai Linh	D16GDTH1	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
36	Nguyễn Thị Thu Thủy	D16GDTH2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
37	Trần Thị Hoài Anh	D16GDMN1	1.130.000đ	05	5.650.000đ	

38	Phạm Thùy Linh	D16GDMN2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
39	Nguyễn Thị Hòa	D16GDMN1	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
40	Nguyễn Thị Thanh Bình	D16GDMN1	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
41	Trần Thị Thu Anh	D16GDMN2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
42	Vũ Thị Huệ Lan	D16KHTN	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
43	Nguyễn Thị Hạnh	D16 SP Toán	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
44	Phạm Thị Thúy	D17KTDN	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
45	Phạm Thị Thùy Dương	D17KTDN	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
46	Nguyễn Trang Nhung	D17KTDN	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
47	Phạm Thị Thu Hằng	D17KTDN	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
48	Ngô Thị Hồng Thắm	D17QTKD	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
49	Giang Chi Linh	D17QTKD	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
50	Phạm Lê Phương Thảo	D17GDTH4	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
51	Phạm Thị Thanh Trúc	D17GDTH3	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
52	Lương Bảo Yến	D17GDTH4	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
53	Vũ Thị Út Nhi	D17GDTH2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
54	Lê Thị Mai	D17GDTH4	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
55	Vũ Thanh Nga	D17GDTH2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
56	Nghiêm Thùy Linh	D17GDTH4	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
57	Hoàng Thị Minh Hiền	D17GDTH3	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
58	Giang Thùy Linh	D17GDTH1	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
59	Nguyễn Thị Bích Hồng	D17GDTH3	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
60	Trịnh Thị Lan	D17GDMN1	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
61	Nguyễn Thúy Giang	D17GDMN2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
62	Nguyễn Thị Thu Hiền	D17GDMN2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
63	Hoàng Ngọc Hoa	D17GDMN2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
64	Lê Thị Huyền Trang	D17 SP Toán	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
65	Phạm Thị Phương Mai	D18KT2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
66	Đàm Thị Thu Liễu	D18KT2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
67	Nguyễn Thị Phương Nhi	D18KT2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
68	Dương Khánh Linh	D18KT1	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
69	Lê Thị Hà	D18KT1	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
70	Vũ Thị Trang	D18KT2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
71	Nguyễn Thị Phụng	D18QTKD1	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
72	Hoàng Thị Lâm Oanh	D18QTKD2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
73	Nguyễn Thị Phương Loan	D18GDMN2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
74	Phạm Thị Thùy Linh	D18GDMN3	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
75	Dương Bảo Như Ngọc	D18GDMN3	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
76	Phạm Thị Thu Phương	D18GDMN3	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
77	Trần Đặng Phương Anh	D18GDMN2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
78	Nguyễn Phương Hà Anh	D18GDTH3	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
79	Trần Thị Quỳnh Trang	D18GDTH3	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
80	Phạm Thị Minh Trang	D18GDTH1	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
81	Lê Khánh Ngọc	D18GDTH1	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
82	Trương Bảo Trâm	D18GDTH3	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
83	Lê Hằng Nga	D18GDTH3	1.130.000đ	05	5.650.000đ	

84	Mai Thu Huyền	D18GDTH3	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
85	Phạm Thị Mai Anh	D18GDTH3	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
86	Nguyễn Thị Phương Mai	D18GDTH2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
87	Phạm Thị Thu Hiền	D18GDTH3	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
88	Trần Phương Diệu	D18GDTH1	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
89	Nguyễn Khánh Linh	D18GDTH1	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
90	Nguyễn Trà My	D18GDTH2	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
91	Trương Thị Thanh Thảo	D18KHTN	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
92	Đoàn Ngọc Ánh	D18SP Toán	1.130.000đ	05	5.650.000đ	
<b>Tổng I.1</b>					<b>519.800.000đ</b>	
<b>I.2 SINH VIÊN GIỎI</b>						
1	Phạm Thiên Ngọc Huyền	D16LSĐL	1.030.000đ	05	5.150.000đ	
2	Lã Thị Thanh Thảo	D17GDMN2	1.030.000đ	05	5.150.000đ	
3	Trần Thị Kim Thúy	D18QTKD2	1.030.000đ	05	5.150.000đ	
4	Nguyễn Thu Uyên	D18QTKD1	1.030.000đ	05	5.150.000đ	
5	Lưu Hương Giang	D18GDMN2	1.030.000đ	05	5.150.000đ	
6	Nguyễn Quỳnh Dung	D18GDMN3	1.030.000đ	05	5.150.000đ	
7	Lù Minh Tuấn	D18LSĐL	1.030.000đ	05	5.150.000đ	
<b>Tổng I.2</b>					<b>36.050.000đ</b>	
<b>I.3 SINH VIÊN KHÁ</b>						
1	Hoàng Khánh Linh	D15QTKD	930.000đ	05	4.650.000đ	
<b>Tổng I.3</b>					<b>4.650.000đ</b>	
<b>Tổng I</b>					<b>560.500.000đ</b>	

## II. NGÀNH DU LỊCH, NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TT	Họ và tên	Lớp	Số tiền/tháng	Số tháng	Tổng tiền	Ghi chú
<b>II.1 SINH VIÊN XUẤT SẮC</b>						
1	Nguyễn Xuân Đức	D16DL	1.300.000đ	05	6.500.000đ	
2	Phạm Trà My	D17DL1	1.300.000đ	05	6.500.000đ	
3	Yên Thị Vân	D17DL2	1.300.000đ	05	6.500.000đ	
4	Nguyễn Thị Phương Thảo	D17DL2	1.300.000đ	05	6.500.000đ	
5	Nguyễn Thị Phương Nguyên	D17DL2	1.300.000đ	05	6.500.000đ	
6	Nguyễn Nhật Long	D17DL2	1.300.000đ	05	6.500.000đ	
7	Vũ Khánh Cư	D18DL5	1.300.000đ	05	6.500.000đ	
8	Nguyễn Hoàng Hiệp	D18DL1	1.300.000đ	05	6.500.000đ	
9	Nguyễn Thị Phương Anh	D18DL2	1.300.000đ	05	6.500.000đ	
10	Vũ Mai Hiền Anh	D18DL1	1.300.000đ	05	6.500.000đ	
11	Bùi Xuân Huy	D18DL4	1.300.000đ	05	6.500.000đ	
12	Nguyễn Thị Mỹ Thuận	D18DL4	1.300.000đ	05	6.500.000đ	
<b>Tổng II.1</b>					<b>78.000.000đ</b>	
<b>II.2 SINH VIÊN GIỎI</b>						
1	Phạm Thị Ngọc Ánh	D17DL2	1.200.000đ	05	6.000.000đ	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	D18DL3	1.200.000đ	05	6.000.000đ	
3	Nguyễn Xuân Mai	D18DL5	1.200.000đ	05	6.000.000đ	
4	Bùi Thị Thắm	D18DL2	1.200.000đ	05	6.000.000đ	

5	Phan Anh Vũ	D18DL1	1.200.000đ	05	6.000.000đ	
6	Nguyễn Hồng Ánh	D18DL5	1.200.000đ	05	6.000.000đ	
7	Đỗ Thị Ngọc Lan	D18DL4	1.200.000đ	05	6.000.000đ	
8	Bùi Khánh Huyền	D18DL1	1.200.000đ	05	6.000.000đ	
9	Đỗ Thị Huế	D18DL3	1.200.000đ	05	6.000.000đ	
10	Nguyễn Thanh Tâm	D18DL4	1.200.000đ	05	6.000.000đ	
11	Đinh Phương Thúy	D18DL2	1.200.000đ	05	6.000.000đ	
12	Đinh Thị Thùy Trang	D16CNTT	1.200.000đ	05	6.000.000đ	
13	Phạm Bảo Khoa	D16CNTT	1.200.000đ	05	6.000.000đ	
14	Nguyễn Nhật Linh	D18CNTT	1.200.000đ	05	6.000.000đ	
<b>Tổng II.2</b>					<b>84.000.000đ</b>	
<b>II.3 SINH VIÊN KHÁ</b>						
1	Đoàn Kim Ngân	D17CNTT	1.100.000đ	05	5.500.000đ	
<b>Tổng II.3</b>					<b>5.500.000đ</b>	
<b>Tổng II</b>					<b>167.500.000đ</b>	

**Tổng chung (I+II): 728.000.000đ**  
*(Bảy trăm hai mươi tám triệu đồng chẵn)*